

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 14/ 9/2017
“V/v Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình, ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ánh Hằng;
2. Bà Ngô Thị Lệ Thi.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 277/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017 về: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2017/QĐXXST- HN ngày 21/8/2017, giữa các đương sự:

NguY đơn: Bà Nguyễn Hoàng Chi M, sinh năm 1964, nơi cư trú: tổ 14, khóm Vĩnh Phước 1, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Lê Văn Y, sinh năm 1959, nơi cư trú: tổ 06, khóm Vĩnh Đông 1, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Bà M có mặt, ông Y vắng mặt (có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguY đơn bà Nguyễn Hoàng Chi M trình bày:

NguY đơn và ông Lê Văn Y quen nhau và chung sống như vợ chồng từ năm 1980, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Núi Sam; giấy đăng ký kết hôn số 139/HT ngày 24/6/2005. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 1981 phát sinh mâu thuẫn do nguY đơn thường xuY bị ông Y

bạo hành về thể xác lẫn tinh thần. Hiện nay, nguY đơn và ông Y không còn sống chung. NguY đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, nguY đơn và ông Y có 04 con chung tên Lê Hoàng Yên Nhi, sinh ngày 22/10/1981; Lê Phúc Hậu, sinh ngày 16/01/1984; Lê Phúc Nhân, sinh ngày 10/3/1985; Lê rô Bin, sinh ngày 10/9/1988. Con chung đều đã trưởng thành và có khả năng lao động.

Về tài sản chung, nợ chung: NguY đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 03/8/2017, bị đơn ông Lê Văn Y có ý kiến trình bày: Trong đời sống vợ chồng đôi khi cũng có sự cãi vã, gây gổ nhưng bị đơn không có đánh đập như nguY đơn trình bày. Về xúc phạm danh dự, bị đơn thừa nhận vợ chồng có những lúc nặng tiếng qua lại, xúc phạm danh dự của nhau. Hiện tại bị đơn và bà M không còn sống chung. Bị đơn không đồng ý ly hôn, bà M muốn làm gì thì làm, Tòa án muốn giải quyết thế nào thì giải quyết, bị đơn không có ý kiến và yêu cầu nào khác.

Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Hoàng Chi M và ông Lê Văn Y tại Hội Liên hiệp Phụ Nữ phường Núi Sam cho biết, hiện tại bà M và ông Y không còn chung sống với nhau.

Tại phiên tòa, nguY đơn giữ nguY yêu cầu xin ly hôn và có ý kiến trình bày: Từ khi về chung sống với ông Y đến nay hơn 30 năm, nguY đơn luôn phải chịu đựng sự bạo hành từ sự gia trưởng của bị đơn. Nhưng vì nguY đơn mong muốn các con được học hành đến nơi đến chốn và có công việc ổn định nên cố gắng chịu đựng để chăm lo, nuôi dạy con tốt. Đến nay thì các con đã trưởng thành, cả 04 đứa con đều đã có gia đình riêng và công việc ổn định nên nguY đơn quyết định xin ly hôn để các bên có cuộc sống của riêng mình trong khoảng thời gian còn lại. Ngoài yêu cầu xin ly hôn, nguY đơn không còn yêu cầu nào khác.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký Tòa án thực hiện tốt việc chuẩn bị phiên tòa, ghi biên bản phiên tòa.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: NguY đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về giải quyết vụ án: Căn cứ vào lời khai của các đương sự trong vụ án và kết quả xác minh tại Hội Liên hiệp Phụ nữ phường Núi Sam, nhận thấy quan hệ chung sống giữa bà M và ông Y là hôn nhân hợp pháp nhưng hiện tại vợ chồng không còn sống chung do có những bất đồng trong cuộc sống và đôi khi có sự xúc phạm danh dự của nhau như lời thừa nhận của các bên. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc nguY đơn bà M khởi kiện xin ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

Các con chung nay đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Bà Nguyễn Hoàng Chi M khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn Y, ông Y cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc nên thuộc thẩm quyền giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Lê Văn Y có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Bà M và ông Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 24/6/2005 tại Ủy ban nhân dân phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc nên quan hệ hôn nhân giữa các đương sự là hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Xét, bà M và ông Y hiện tại không còn sống chung do có những bất đồng và mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình. Đồng thời, bị đơn không có ý kiến mong muốn được đoàn tụ, hàn gắn mâu thuẫn nên hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài

và đạt mục đích được. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M về việc ly hôn với ông Y theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Về con chung, đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[4] Về án phí, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án quy định: “*Trong vụ án ly hôn thì nguY đơn phải nộp án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Toà án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguY đơn*”. NguY đơn có đơn khởi kiện ly hôn với bị đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguY đơn.

Bà Nguyễn Hoàng Chi M được ly hôn với ông Lê Văn Y.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Hoàng Chi M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm bà M đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2015/0014731 ngày 10 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Châu Đốc; bà M đã nộp đủ án phí.

Ông Lê Văn Y không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuY án, nguY đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn Y được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thanh Tâm